

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO L TỈNH
LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **38** /2024/DS-ST

Ngày: 06-6-2024

*V/v: “Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản, tranh chấp hui họ”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO L
TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa pH tòa:

Bà Trần Thị Hà Vi

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đỗ Thị Thương Huyền

Ông Phạm Đức Minh

- Thư ký pH tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy**- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L tham gia pH tòa: Bà **Nguyễn Thanh Linh**- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm C khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 185/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, tranh chấp hui họ*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2024/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn pH tòa số 41A/2024/QĐST- DS ngày 07 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1965 và bà **Nguyễn Thị Thúy N**, sinh năm 1971; Địa chỉ: Thôn 9, xã Lộc Thành, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Lê Thanh D**, sinh năm 1967; Địa chỉ: Số 11A, đường Lam Sơn, phường Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1979 và ông **Trần Văn C**, sinh năm 1978; Địa chỉ: Thôn 11, xã Lộc Thành, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng;

(ông **Lê Thanh Dương** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông **Trần Văn C** và bà **Nguyễn Thị H** vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/4/2023; đơn khởi kiện bổ sung ngày 04/5/2023; đơn khởi kiện bổ sung ngày 07/7/2023 và đơn khởi kiện bổ sung

ngày 07/8/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Do quen biết nên vào ngày 21/11/2020 vợ chồng ông N bà N có cho vợ chồng ông Trần Văn C bà Nguyễn Thị H vay số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn vay 03 ngày, lãi suất thỏa thuận là 3%/ tháng, mục đích vay là để đáo hạn ngân hàng. Khi đến hạn vợ chồng ông N bà N đã đòi nhiều lần nhưng vợ chồng ông C bà H chưa có tiền trả và xin trả lãi hàng tháng đầy đủ nên vợ chồng ông N bà N đồng ý kéo dài thời gian vay và thống nhất khi nào vợ chồng ông N bà N đòi nợ thì vợ chồng ông C bà H phải trả nợ.

Tiếp đến ngày 24/6/2022 vợ chồng ông C bà H vay của vợ chồng ông N bà N số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 ngày để đáo hạn ngân hàng. Nhưng khi đến hạn cũng không trả nợ gốc và trả lãi đến cuối năm 2022 thì vợ chồng ông C bà H không trả nữa. Vợ chồng ông N bà N đã đòi gốc lãi nhiều lần nhưng vợ chồng ông C bà H hứa hẹn nhiều lần vẫn không trả.

Trong năm 2021 bà Nguyễn Thị H có tham gia chân hụi do bà N làm chủ, hụi 10.000.000 đồng/ tháng, mở hụi ngày 01/4/2021 tức là ngày 20/02/2021 Âm lịch. Hụi gồm 25 chân, bà H tham gia 01 chân. Bà H đã hốt hụi và hiện còn nợ lại bà N 04 lần tức là 04 tháng chưa đóng, tổng cộng số tiền nợ hụi là 40.000.000 đồng. Hụi kết thúc vào tháng 02/2023.

Nay vợ chồng ông Nguyễn Văn N bà Nguyễn Thị Thúy N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bảo L giải quyết buộc vợ chồng ông Trần Văn C bà Nguyễn Thị H trả cho vợ chồng ông N bà N số tiền nợ vay là 350.000.000 đồng và lãi suất phát sinh cụ thể như sau:

Khoản vay 150.000.000 đồng tính từ ngày 01/01/2023 đến ngày 01/10/2023 là $150.000.000 \text{ đồng} \times 0.83 \% / \text{tháng} \times 9 \text{ tháng} = 11.205.000 \text{ đồng}$.

Khoản vay 200.000.000 đồng tính từ ngày 01/01/2023 đến ngày 01/10/2023 là $200.000.000 \text{ đồng} \times 0.83 \% / \text{tháng} \times 9 \text{ tháng} = 14.940.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng tiền nợ gốc và tiền lãi suất phát sinh là 376.145.000 đồng.

Tiền nợ hụi là 40.000.000 đồng

Tổng cộng số tiền ông N bà N yêu cầu là 416.145.000 đồng.

Bị đơn vợ chồng ông Trần Văn C bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án Thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập làm việc nhưng vắng mặt nên không có lời khai.

Tòa án đã tiến hành pH họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, C khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 04/4/2024 nhưng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn vắng mặt không lý do, do vậy việc hòa giải không thành.

Tại pH tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L tham gia pH tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký pH tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu khởi kiện với số tiền

nợ vay gốc là 200.000.000 đồng và lãi suất phát sinh là 0.83%/ tháng, tính từ ngày 24/4/2023 đến ngày 01/10/2023; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện với số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng và lãi suất phát sinh là tính từ ngày 01/01/2023 đến ngày 01/10/2023 là 0.83 %/ tháng; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp hội, họ với số tiền là 40.000.000 đồng; Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi ngH cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại pH toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại pH toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Trần Văn C bà Nguyễn Thị H đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] *Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền:* Vợ chồng ông Nguyễn Văn N bà Nguyễn Thị Thuý N khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn C có địa chỉ tại thôn 11, xã Lộc Thành, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng, phải trả số tiền vay nợ gốc là 350.000.000 đồng + lãi suất phát sinh, đồng thời yêu cầu trả nợ số tiền hội, họ nên xác định quan hệ “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản, tranh chấp hội, họ*” và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân huyện Bảo L giải quyết theo quy định khoản 3 Điều 26, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn N bà Nguyễn Thị Thuý N, đối chiếu tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình thể hiện:*

3.1 Đối với hợp đồng vay tiền ngày 21/11/2020 bản phô tô, nguyên đơn không cung cấp bản gốc có nội dung thể hiện nội dung bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn C vay của ông Nguyễn Văn N số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất không thể hiện, thời hạn trả nợ không ghi cụ thể, mục đích vay là dùng vào việc đáo hạn ngân hàng, tại mục bên vay kí tên và ghi “Nguyễn Thị H” và bên vợ chồng kí tên “Trần Văn C”. Mặc dù nguyên đơn cho rằng 21/11/2020 vợ chồng ông N bà N có cho vợ chồng ông Trần Văn C bà Nguyễn Thị H vay số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn vay 03 ngày, lãi suất thỏa thuận là 3%/ tháng, mục đích vay là để đáo hạn ngân hàng. Khi đến hạn vợ chồng ông N bà N đã đòi nhiều lần nhưng vợ chồng ông C bà H chưa có tiền trả và xin trả lãi hàng tháng đầy đủ nên vợ chồng ông N bà N đồng ý kéo dài thời gian vay và thống nhất khi nào vợ chồng ông N bà N đòi nợ thì vợ chồng ông C bà H phải trả nợ nhưng không cung cấp được giấy mượn tiền bản gốc, chỉ nộp cho Toà án bản phô tô nên không có căn cứ để chấp nhận vợ chồng ông C bà H có nợ vợ chồng ông N bà N số tiền 150.000.000 đồng hay không? Đã trả nợ hay chưa? Trong khi đó vợ chồng ông C bà H không có lời trình bày nào thể hiện còn nợ vợ chồng ông N bà H số tiền 150.000.000 đồng. Do vậy vợ chồng ông N bà N khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông C bà H trả nợ số tiền vay là 150.000.000 đồng và lãi suất phát sinh tính từ ngày 01/01/2023 đến ngày 01/10/2023 là 150.000.000 đồng x 0.83 %/

tháng x 9 tháng = 11.205.000 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi là 161.205.000 đồng là không có căn cứ để chấp nhận đối với yêu cầu khởi kiện trên.

3.2 Đối với số tiền vợ chồng ông C bà H vay vợ chồng ông N bà N ngày 24/6/2022 bản gốc được đánh máy sẵn một số nội dung, còn lại được ghi tay trên các dòng chấm chấm thể hiện ngày 24/6/2022 vợ chồng ông C bà H vay của ông Nguyễn Văn N số tiền 200.000.000 đồng, không ghi cụ thể thời gian trả nợ cũng như lãi suất phát sinh, mục đích dùng vào việc đảo hạn ngân hàng, ở mục kí tên người mượn là “Nguyễn Thị H”, chồng vợ kí tên “Trần Văn C”. Qua xem xét giấy mượn tiền ngày 24/6/2022 thì có căn cứ để chấp nhận việc vợ chồng ông C bà H có vay của vợ chồng ông N bà N số tiền 200.000.000 đồng, vợ chồng ông C bà H đã được thông báo về nội dung khởi kiện nhưng không có bất kì lời khai nào để phủ định việc vay tiền. Còn việc thoả thuận lãi suất, thời hạn trả nợ, việc trả lãi đến thời điểm nào thì Nguyên đơn không cung cấp được tài liệu việc bị đơn đã trả lãi suất đến thời gian nào nên Nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất từ ngày 01/01/2023 cho đến ngày 01/10/2023 là không có căn cứ để chấp nhận mà chỉ chấp nhận thời hạn tính lãi suất kể từ khi nguyên đơn khởi kiện là ngày 24/4/2023 cho đến ngày 01/10/2023 với mức lãi suất là 0.83 %/ tháng cụ thể là 200.000.000 đồng x 0.83% x 5 tháng 07 ngày = 8. 687.000 đồng (làm tròn), không được chấp nhận yêu cầu tính lãi suất với số tiền là 6.253.000 đồng.

Đối với số tiền tính lãi suất từ ngày 01/10/2023 cho đến ngày xét xử 06/6/2024 do nguyên đơn và người đại diện uỷ quyền của nguyên đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại p H toà nên HĐXX không làm rõ được nguyên đơn có yêu cầu hay không, do vậy HĐXX không xem xét.

3.3 Đối với số tiền nợ hội ngày 01/4/2021 bà Nguyễn Thị H có tham gia chân hội do bà N làm chủ, hội 10.000.000 đồng/ tháng, mở hội ngày 01/4/2021 tức là ngày 20/02/2021 Âm lịch. Hội gồm 25 chân, bà H tham gia 01 chân. Bà H đã hót hội và hiện còn nợ lại bà N 04 lần tức là 04 tháng chưa đóng, tổng cộng số tiền nợ hội là 40.000.000 đồng. Hội kết thúc vào tháng 02/2023. Đối với yêu cầu này thì phía nguyên đơn không cung cấp được giấy tờ gốc chơi hội, không cung cấp được giấy tờ giao tiền hót hội cho bà Nguyễn Thị H mà lại cung cấp các giấy tờ giao hội ngày 30/5/2022 âm lịch, huê 5 triệu một tháng khai ngày 05/9/2022 âm lịch, huê 5 triệu một tháng khai ngày 15/02/2022 âm lịch (mặt sau các giấy ghi giao tiền hội không liên quan đến vợ chồng ông C bà H), tất cả các giấy ghi giao tiền hội trên không có liên quan gì đến việc tham gia dây hội ngày 01/4/2021 tức ngày 20/02/2021 âm lịch. Việc nguyên đơn cung cấp những người làm chứng gồm bà Đoàn Thị Mộng Hiền, Trịnh Ngọc Thêm, Nguyễn Thị Huyền, Liêu Ngọc Phượng làm chứng việc bà Nguyễn Thị H có tham gia dây hội 10.000.000 đồng 02 chân đã hót rồi thể hiện trên một tờ giấy ½ A4 mặt sau là bản phô tô dây hội ngày 05/11/2021, tuy nhiên các người làm chứng trên không làm chứng có việc giao tiền hội, đóng hội giữa bà N với bà H, việc bà N giao tiền hội đã hót cho bà H hay không nên không đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền nợ hội là 40.000.000 đồng.

3.3 Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Nguyên đơn xuất trình và căn cứ vào các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470, Điều 471 Bộ luật dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ- CP ngày 19/02/2019

của Chính Phủ về họ, hui, bêu, phường thì chỉ chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng và lãi suất phát sinh là 0.83%/ tháng, tính từ ngày 24/4/2023 đến ngày 01/10/2023; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện với số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng và lãi suất phát sinh là tính từ ngày 01/01/2023 đến ngày 01/10/2023 là 0.83 %/ tháng; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp hui, họ với số tiền là 40.000.000 đồng.

[4]. *Về án phí*: Do vợ chồng bà Nguyễn Thị H ông Trần Văn C phải trả cho vợ chồng ông Nguyễn Văn N bà Nguyễn Thị Thuý N số tiền 208.687.000 đồng đồng nên cần buộc vợ chồng bà H ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $208.687.000 \times 5 = 10.434.350$ đồng theo quy định của pháp luật.

Vợ chồng ông Nguyễn Văn Năm bà Nguyễn Thị Thuý N phải chịu án phí trên số tiền yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận là $207.458.000 \text{ đồng} \times 5\% = 10.372.900$ đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 264, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470, Điều 471 Bộ luật dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về họ, hui, bêu, phường và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn N bà Nguyễn Thị Thuý N về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” đối với bị đơn vợ chồng bà Nguyễn Thị H ông Trần Văn C.

Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị H ông Trần Văn C có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc và lãi phát sinh cho vợ chồng ông Nguyễn Văn N bà Nguyễn Thị Thuý N với số tiền là 208.687.000 đồng (*Hai trăm lẻ tám triệu, sáu trăm tám mươi bảy ngàn đồng*); trong đó tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng, tiền lãi suất là 8.687.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 06-6-2024) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận một phần yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền 200.000.000 đồng là 6.253.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn N bà Nguyễn Thị Thuý N về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” đối với bị đơn vợ chồng bà Nguyễn Thị H ông Trần Văn C đối với

số tiền nợ vay 150.000.000 đồng và lãi suất phát sinh là 11.205.000 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi là 161.205.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn N bà Nguyễn Thị Thuý N về việc “*Tranh chấp về hụi, họ*” đối với bị đơn vợ chồng bà Nguyễn Thị H ông Trần Văn C đối với số tiền nợ vay 40.000.000 đồng.

2. Về án phí: Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị H ông Trần Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.434.350 đồng.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn N bà Nguyễn Thị Thuý N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.372.900 đồng, được căn trừ vào số tiền 10.322.900 đồng đã nộp tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0001384 ngày 12 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo L. Vợ chồng ông Nguyễn Văn N bà Nguyễn Thị Thuý N được nhận lại số tiền 50.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử C khai, đương sự vắng mặt tại pH tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo L;
- Chi cục THA dân sự H. Bảo L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PH TOÀ**

ĐÃ KÝ

Trần Thị Hà Vi

